TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày 29/11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH P

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Việt Giang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Nguyễn Ngọc Tâm.

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh P tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tri - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2019/ TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18B/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 261, đường Hai , phường T, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Lê Anh H, sinh năm 1973.

và chị Phùng Thị Ánh T, sinh năm 1974.

Đều địa chỉ: Khu 4, thị trấn H, huyện L, tỉnh P.

(Anh H ủy quyền cho chị Phùng Thị Ánh T, chị T đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Do quen biết với vợ chồng anh Lê Anh H và chị Phùng Thị Ánh T nên ngày 01/7/2017 chị Nguyễn Thị Thúy H có cho anh Lê Anh H và chị Phùng Thị Ánh T vay số tiền là 200.000.000đ. Mục đích anh H và chị T vay để kinh doanh. Ngày 05/7/2017 anh H và chị T lại vay của chị H số tiền 150.000.000đ. Tổng hai lần vay là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay số tiền trên anh H và chị T đều ký nhận vào giấy vay tiền. Hai bên thống nhất lãi suất thỏa thuận miệng không ghi vào giấy vay tiền. Chị

H nhiều lần gọi điện để yêu cầu anh H và chị T trả tiền nhưng anh H và chị T hứa trả nhưng đến nay vẫn không trả. Đến ngày 08/10/2018 thì anh H và chị T mới trả cho chị H được số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Sau đó rất nhiều lần chị H đòi nhưng anh H và chị T không trả. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị H yêu cầu anh H và chị T trả cho chị số tiền gốc là 350.000.000đ và tiền lãi từ đó đến nay theo qui định của pháp luật. Nay chị H xác định anh H và chị T đã trả cho chị 40.000.000đ vào số tiền gốc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện L buộc anh H và chị T trả cho chị toàn bộ số tiền gốc là 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng) và tiền lãi từ ngày vay đến nay theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai chị Phùng Thị Ánh T là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh H trình bày:

Do quen biết với chị H nên khoảng năm 2016 chị T có vay của chị H số tiền là 200.000.000đ. Khi vay chị T có viết giấy vay tiền và hai bên thống nhất thỏa thuận lãi suất miệng không ghi vào giấy vay tiền. Hàng tháng chị T trả lãi đầy đủ cho chị H đến ngày 01/7/2017 thì chốt nợ. Tổng số tiền lãi chị T trả cho chị H bao nhiêu thì chị T không nhớ cụ thể. Đến ngày 01/7/2017 chị Phùng Thị Ánh T và anh Lê Anh H chốt nợ với chị H số tiền gốc là 200.000.000đ. Ngày 05/7/2019 chị T và anh H vay của chị H số tiền 150.000.000đ. Hai bên thống nhất trả lãi hàng tháng, lãi suất thỏa thuận miệng không ghi vào giấy vay tiền. Tổng hai lần vay số tiền là 350.000.000đ. Từ khi vay đến nay chị T, anh H đã trả được cho chị H 60.000.000đ tiền gốc (trả thành 04 lần) vào cuối năm 2018. Khi trả không viết giấy tờ gì. Đến nay chị T và anh H xác định chỉ còn nợ chị H số tiền gốc là 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Nay chị H khởi kiện chị T và anh H số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh từ ngày vay đó đến nay. Chị T không nhất trí vì chị đã trả được cho chị H 60.000.000đ nay chị và anh H còn nợ lại là 290.000.000đ. Chị T đề nghị được trả dần và đề nghị chị H không tính lãi số tiền trên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H. Buộc anh Lê Anh H và chị Phùng Thị Ánh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền nợ gốc là 310.000.000đ và số tiền lãi là 79.115.500đ. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 389.115.500đ (Ba trăm tám mươi chín triệu một trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng).

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Thúy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh H và chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu anh Lê Anh H và chị Phùng Thị Ánh T, đều có HKTT tại khu 4, thị trấn H, huyện L, tỉnh P trả số tiền gốc và lãi theo "giấy biên nhận" ngày 01/7/2017 và ngày 05/7/2017. Do đó xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn, anh Lê Anh H và chị Phùng Thị Ánh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H và chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H thấy rằng:

Về hợp đồng vay nợ: Anh Lê Anh H và chị Phùng Thị Ánh T có thực hiện giao dịch vay tiền vào ngày 01/7/2016 và ngày 05/7/2016, thể hiện tại "giấy biên nhận" bản gốc mà chị Nguyễn Thị Thúy H đã cung cấp cho Tòa án. Theo nội dung giấy vay tiền hai bên đã lập thì chị H là người cho vay và anh H và chị T là người vay tiền. Giấy vay nợ có chữ ký của anh H và chị T vay của chị H, tổng hai lần vay số tiền là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, chị H và chị T đều xác nhận số tiền vay nợ theo giấy biên nhận hai bên đã lập là đúng. Sự thừa nhận của các đương sự là phù hợp với Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ý kiến của anh Lê Anh H và chị Phùng Thị Ánh T: Đối với số tiền gốc chị T cho rằng chị và anh H đã trả cho chị H số tiền 60.000.000đ (trả thành 04 lần) nhưng khi trả không viết giấy tờ gì. Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã yêu cầu chị T và anh H cung cấp tài liệu chứng cứ về việc đã trả số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) nhưng anh H và chị T không cung cấp được. Chị H xác định ngày 08/10/2018 anh H và chị T mới trả cho chị được 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) tiền gốc. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy hai bên đều thừa nhận có trả số tiền gốc nhưng không cung cấp được tài liệu chúng cứ, vì vậy cần buộc anh H và chị T phải trả cho chị H số tiền gốc là 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng) là phù hợp.

Về lãi suất: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu tính lãi đối với tổng số tiền nợ gốc là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày 05/7/2017 đến ngày trả số tiền gốc 40 triệu là ngày 08/10/2018 và yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc còn lại là 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng) từ ngày 08/10/2018 đến nay theo qui định là 0,83%/ tháng. Bị đơn chị T đề nghị không tính lãi đối với số tiền trên. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại các bản tự khai các bên đều thừa nhận lãi suất thỏa thuận miệng không ghi vào giấy vay tiền như vậy việc vay nợ giữa chị H và anh H chị T có thống nhất thỏa thuận về lãi suất. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi của chị H 0,83%/ tháng là phù hợp với qui định của pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu về thời điểm tính lãi, lãi suất của chị Hải. Thời điểm tính lãi đối với số tiền 350.000.000đ từ ngày 05/7/2017 đến ngày 08/10/2018 là 15 tháng 03 ngày. Cụ thể: (350.000.000đ x 0,83%) x 15 tháng 03 ngày = 43.865.500đ (Bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Thời điểm tính lãi đối với số tiền 310.000.000đ từ ngày 08/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể: (310.000.000đ x 0,83%) x 13 tháng 21 ngày = 35.250.000đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền lãi là: 43.865.500đ + 35.250.000đ = 79.115.500đ (Bảy mươi chín triệu một trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng).

Về thời hạn và phương thức thanh toán: Chị T đề nghị được trả dần số tiền trên nhưng Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H không đồng ý cho anh H và chị T trả nợ dần

vì vậy khi án có hiệu lực pháp luật cần buộc anh H và chị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho chị H là phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Thúy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh H và chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H. Buộc anh Lê Anh H và chị Phùng Thị Ánh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền nợ gốc là 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng) và số tiền lãi là 79.115.500đ (Bảy mươi chín triệu một trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng). Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 389.115.500đ (Ba trăm tám mươi chín triệu một trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng). Trả làm một lần kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Lê Anh H và chị Phùng Thị Ánh T phải nộp số tiền 19.455.000đ (Mười chín triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002541 ngày 12/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh P.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh + huyện;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Việt Giang